

Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**ĐÌNH CHỈ VIỆC XÉT ĐƠN YÊU CẦU GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Lê Quang Nh, sinh năm: 1994

Địa chỉ: tổ 1, khu 6, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Bùi Thị Quỳnh T, sinh năm: 1995

Địa chỉ: tổ 1, khu 6, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Xét thấy: Người yêu cầu là anh Lê Quang Nh và chị Bùi Thị Quỳnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Căn cứ vào điều 48, điểm c khoản 1 điều 217; các khoản 1, 2 và 4 điều 218; khoản 1 điều 219, khoản 2 điều 273, khoản 2 điều 280 và điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”.

**Điều 2.** Hậu quả của việc đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Lê Quang Nh và chị Bùi Thị Quỳnh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí anh Lê Quang Nh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000582 ngày 8 tháng 4 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 3.** Anh Lê Quang Nh và chị Bùi Thị Quỳnh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quyền kháng nghị trong thời

hạn 07 (*bảy*) ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 (*mười*) ngày, kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân thành phố H nhận được quyết định.

***Nơi nhận:***

- Anh Nh, chị T;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

Bùi Thị Tố Nga

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:**

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

